TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-10-2018.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bạn

2. Ông Nguyễn Đức Nhuận

***Thư ký phiên toà*:** Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Bương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12/10/2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 752/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST – HNGĐ ngày 24/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Đức M, sinh năm 1976; thường trú: T1, xã TN, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: 18/56, khu phố BĐ4, phường AB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1996; thường trú: T1, xã TN, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ô 70 DC 34 khu phố 4, phường AP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Đức M trình bày:

Ông Phạm Đức M và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/02/2018, giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018, có tổ chức đám cưới, được sự đồng ý của gia đình hai bên. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có sự chênh lệch về tuổi tác dẫn đến không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bà T thường đi chơi qua đêm, giao lưu bạn bè trong quán bar, không quan tâm, chăm sóc cuộc

sống gia đình, bản thân ông và gia đình 02 bên cũng khuyên bảo nhưng bà T không thay đổi. Ông và bà T đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay ông Phạm Đức M xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị T không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, vợ chồng không có con chung, về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản thì không yêu cầu tòa án giải quyết. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến coi như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị T có đăng ký tạm trú tại địa chỉ Ô 70 DC 34 khu phố 4, phường AP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, .

[3] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị T đã được tòa án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức M và bà Trần Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/02/2018, giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018, như vậy hôn nhân của ông M và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa ông Phạm Đức M vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà T, bà T không có văn bản trình bày ý kiến.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, ông M xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 4

năm 2018 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, ông M xác định không còn tình cảm với bà T, bà T không tham gia tố tụng, từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông M và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Đức M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Ông Phạm Đức M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Phạm Đức M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức M về việc xin ly hôn với bị đơn bà Trần Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức M được ly hôn với bà Trần Thị T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Đức M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0023790 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THA thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND xã T N, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhâm